

XỬ LÝ NỢ BỊ RỦI RO TẠI NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI
(Theo Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010,
Quyết định số 08/2021/QĐ-TTg ngày 11/03/2021 của Thủ tướng Chính phủ)

1. Đối tượng và phạm vi xử lý nợ bị rủi ro

Xử lý nợ bị rủi ro đối với khách hàng vay vốn tại Ngân hàng chính sách xã hội bị rủi ro do nguyên nhân khách quan.

2. Nguyên tắc xử lý nợ rủi ro

- Khách hàng thuộc đối tượng được vay vốn theo quy định, đã sử dụng vốn vay đúng mục đích.

- Khách hàng bị thiệt hại do các nguyên nhân khách quan làm mất một phần hoặc toàn bộ vốn và tài sản

- Khách hàng gặp khó khăn về tài chính dẫn đến chưa có khả năng trả nợ hoặc không trả được nợ cho ngân hàng.

3. Thời điểm xem xét xử lý nợ bị rủi ro

Việc xem xét xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan được thực hiện tại thời điểm thực tế phát sinh rủi ro hoặc theo từng đợt trên cơ sở đề nghị của khách hàng.

4. Các biện pháp xử lý nợ bị rủi ro: gia hạn nợ, khoan nợ, xóa nợ:

5. Nguyên nhân khách quan và điều kiện đề nghị xử lý nợ rủi ro:

a) Đối với gia hạn nợ: khách hàng bị rủi ro do thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, Nhà nước thay đổi chính sách làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng (được xác định tỉ lệ thiệt hại dưới 40%).

b) Đối với khoan nợ tối đa 3 năm: khách hàng có hoàn cảnh khó khăn chưa có khả năng trả nợ đúng hạn, bị rủi ro một trong các trường hợp sau:

- Khách hàng bị rủi ro do thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, Nhà nước thay đổi chính sách làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng (được xác định tỉ lệ thiệt hại từ 40% đến dưới 80%)

- Khách hàng là người đi lao động ở nước ngoài phải về nước trước hạn.

- Các khoản nợ phải thu hồi theo bản án, quyết định của Tòa án nhưng người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành án theo thông báo của cơ quan thi hành án.

- Khách hàng là cá nhân hoặc có thành viên trong hộ gia đình bị: mắc bệnh tâm thần, mắc bệnh hiểm nghèo, mắc bệnh khác dẫn đến mất năng lực hành vi dân

sự, có khó khăn trong nhận thức làm chủ hành vi, bị suy giảm khả năng lao động vĩnh viễn từ 81% trở lên, chết hoặc bị tuyên bố là đã chết, bị tuyên bố mất tích.

- Khách hàng là cá nhân hoặc có thành viên trong hộ gia đình bị bệnh cần chữa trị dài ngày theo quy định của Bộ Y tế.

- Khách hàng bị rủi ro trước thời điểm năm 2014 không thực hiện xử lý nợ kịp thời nên không xác định được tỉ lệ thiệt hại.

- Hết thời gian khoan nợ (3 năm), khách hàng vẫn chưa có khả năng trả nợ.

c) Đối với khoan nợ tối đa 5 năm: khách hàng có hoàn cảnh khó khăn chưa có khả năng trả nợ đúng hạn, bị rủi ro một trong các trường hợp sau:

- Khách hàng bị rủi ro do thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, Nhà nước thay đổi chính sách làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng (được xác định tỉ lệ thiệt hại từ 80% đến 100%)

- Tất cả thành viên tham gia ký kết hợp đồng vay vốn vắng mặt tại nơi cư trú và không có thông tin xác thực về tung tích từ 02 năm liền trở lên.

- Hết thời gian khoan nợ (5 năm), khách hàng vẫn chưa có khả năng trả nợ.

d) Đối với xóa nợ: tất cả các thành viên tham gia ký kết hợp đồng vay vốn không có khả năng trả nợ và thuộc một trong các trường hợp sau:

- Tất cả các thành viên tham gia ký kết hợp đồng vay vốn đều bị rủi ro do một trong các nguyên nhân: mắc bệnh tâm thần; mắc bệnh hiểm nghèo; mắc bệnh khác dẫn đến mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức làm chủ hành vi; bị suy giảm khả năng lao động vĩnh viễn từ 81% trở lên; chết hoặc bị tuyên bố là chết, bị tuyên bố mất tích.

- Các khoản nợ bị chiếm dụng mà người chiếm dụng chết, mất tích.

- Khách hàng là pháp nhân, tổ chức kinh tế vay vốn bị phá sản, giải thể.

- Sau khi hết thời gian khoan nợ khách hàng vẫn không có khả năng trả nợ.

- Các khoản nợ nhận bàn giao từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng công thương Việt Nam và Kho bạc Nhà nước không thể thu hồi được./.